

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Số 15 Đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

ĐT : 38650921

Fax : 38655930

Website: vanphongdamsenpark.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		517 728 742 478	891 171 665 992
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22 213 039 953	11 183 069 825
1. Tiền	111		22 213 039 953	6 983 069 825
2. Các khoản tương đương tiền	112			4 200 000 000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	467 760 000 000	821 408 088 730
1. Chứng khoán kinh doanh	121			42 347 095 125
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		467 760 000 000	779 060 993 605
- Tiền gửi có kỳ hạn			467 760 000 000	779 060 000 000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn				993 605
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19 746 497 920	52 709 283 200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	900 025 385	595 632 501
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2 699 721 989	1 561 225 591
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	16 146 750 546	50 552 425 108
IV- Hàng tồn kho	140	V.7	3 715 330 685	4 283 874 094
1. Hàng tồn kho	141		3 715 330 685	4 283 874 094
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4 293 873 920	1 587 350 143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4 293 873 920	1 587 350 143
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1 021 387 498 097	603 230 758 344
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		5 350 656 948	5 850 656 948
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		240 000 000	240 000 000
6. Phải thu dài hạn khác	216		12 150 656 948	12 650 656 948
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(7 040 000 000)	(7 040 000 000)
II- Tài sản cố định	220		186 117 056 302	188 533 127 829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	186 006 373 954	188 381 002 131
- Nguyên giá	222		447 537 769 810	424 745 289 516
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(261 531 395 856)	(236 364 287 385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	110 682 348	152 125 698
- Nguyên giá	228		29 530 636 215	29 530 636 215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29 419 953 867)	(29 378 510 517)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8 728 087 290	9 489 967 010
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	8 728 087 290	9 489 967 010
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		705 113 017 683	274 443 017 683
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252		253 277 125 000	253 277 125 000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21 165 892 683	21 165 892 683
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		430 670 000 000	
VI- Tài sản dài hạn khác	260		116 078 679 874	124 913 988 874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	116 078 679 874	124 913 988 874
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1 539 116 240 575	1 494 402 424 336
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		242 221 649 552	233 021 401 280
I- Nợ ngắn hạn	310		241 594 761 552	231 744 321 280
1. Phải trả cho người bán	311	V.12	10 164 204 967	11 945 128 105

Đơn vị tính VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	37 163 542 842	14 664 257 434
4. Phải trả người lao động	314		4 202 976 527	7 065 284 591
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	615 040 615	507 877 869
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	188 963 586 723	197 561 773 281
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		485 409 878	
II- Nợ dài hạn	330		626 888 000	1 277 080 000
7. Phải trả dài hạn khác	337		626 888 000	1 277 080 000
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1 296 894 591 023	1 261 381 023 056
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1 296 894 591 023	1 261 381 023 056
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1 186 840 000 000	1 186 840 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		1 186 840 000 000	1 186 840 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69 686 924 280	69 686 924 280
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40 367 666 743	4 854 098 776
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		4 368 688 898	
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421		35 998 977 845	4 854 098 776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1 539 116 240 575	1 494 402 424 336

Người lập biểu

Kế toán trưởng

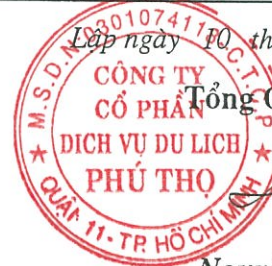
Lập ngày 10 tháng 7 năm 2017

Tổng Giám Đốc

Trương Thị Kim Phụng

Nguyễn Thị Nguyên

Nguyễn Quốc Anh



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/04/2017 Đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	94 278 350 646	89 165 303 105	200 143 019 265	195 535 413 866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		94 278 350 646	89 165 303 105	200 143 019 265	195 535 413 866
4. Giá vốn hàng bán		V.18	79 765 325 022	86 067 331 611	169 612 598 678	157 046 145 944
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14 513 025 624	3 097 971 494	30 530 420 587	38 489 267 922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	16 402 574 037	106 582 145 311	35 680 015 699	110 148 791 571
7. Chi phí tài chính	22	V.20	74 985 831	8 020 326 117	86 359 455	8 021 248 354
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				8 932 458	
8. Chi phí bán hàng	24	V.21	3 606 787 855	2 098 893 860	7 915 172 936	7 013 853 884
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.22	7 241 299 088	13 599 286 009	14 743 512 074	17 678 015 012
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		19 992 526 887	85 961 610 819	43 465 391 821	115 924 942 243
11. Thu nhập khác	31	V.23	379 813 947	502 503 177	776 766 769	1 109 403 739
12. Chi phí khác	32	V.24	296 324 997	412 804 119	553 847 906	782 030 790
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		83 488 950	89 699 058	222 918 863	327 372 949
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20 076 015 837	86 051 309 877	43 688 310 684	116 252 315 192
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.25	4 101 555 390	19 258 818 357	7 689 332 839	23 294 334 775
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15 974 460 447	66 792 491 520	35 998 977 845	92 957 980 417
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.26			303	

Người lập biểu

Trương Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyên



Ngày 10 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc

Nguyễn Quốc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2017 - Đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số kỳ này	Số kỳ trước
1. Tiền thu từ bán hàng	01	240 179 272 737	217 406 210 490
+ Bán hàng hóa, thành phẩm	011	3 348 349	1 901 667
+ Cung cấp dịch vụ	012	228 983 906 061	204 266 502 880
+ Thu phí phục vụ	013	46 102 352	64 653 365
+ Thu tiền nợ phải thu có liên quan đến sxkd	016	9 684 381 975	10 966 440 532
+ Tiền ứng trước của người mua hàng, cung cấp DV	017	1 461 534 000	2 106 712 046
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(138 606 978 146)	(240 899 839 534)
+ Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa, DV		(138 606 978 146)	(240 899 839 534)
3. Tiền chi trả cho người lao động	05	(37 523 273 007)	(92 750 909 609)
+ Tiền lương, tiền công		(28 635 242 689)	(27 794 212 492)
+ Tiền chi từ phí phục vụ			(1 750 760 952)
+ Tiền khen thưởng từ quỹ khen thưởng			(57 636 907 372)
+ Tiền chi BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN		(6 931 030 929)	(4 082 659 687)
+ Tiền ăn giữa ca		(132 157 695)	(86 987 106)
+ Chi khác cho người lao động		(1 824 841 694)	(1 399 382 000)
4. Tiền chi trả lãi vay		(8 932 458)	
+ Chi tiền lãi vay		(8 932 458)	
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	06	(18 292 614 652)	(12 537 379 691)
+ Tiền thuế phát sinh trong kỳ và nộp trong kỳ		(18 292 614 652)	(12 537 379 691)
6. Tiền thu khác từ HĐKD		70 545 080 121	450 802 979 137
+ Tiền thu do nhận ký quỹ, ký cược		38 808 000	
+ Tiền thu hồi các khoản đưa đi ký quỹ, ký cược		500 000 000	
+ Tiền được các tổ chức, cá nhân thưởng --> tăng quỹ DN			10 490 000
+ Các khoản thu khác từ HĐKD		70 006 272 121	450 792 489 137
7. Tiền chi khác cho HĐKD		(25 792 485 519)	(57 615 913 934)
+ Tiền chi đưa đi ký cược, ký quỹ		(300 000 000)	(112 200 000)
+ Các khoản chi khác từ HĐKD		(25 492 485 519)	(57 503 713 934)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TU HOẠT ĐỘNG SXKD	20	90 500 069 076	264 405 146 859
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài		(10 527 757 888)	(2 861 431 138)
+ Tiền chi mua sắm TSCĐ		(1 042 725 092)	(774 770 909)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2017 - Đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số kỳ này	Số kỳ trước
+ Tiền chi từ đầu tư XD CB dở dang		(9 485 032 796)	(2 086 660 229)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1 071 767 356 400)	(744 395 000 000)
+ Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24	(1 071 767 356 400)	(744 395 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		996 156 149 698	119 885 000 000
+ Thu hồi các khoản cho vay		996 156 149 698	119 885 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6 668 860 724	4 195 206 766
+ Thu lãi tiền gửi		995 453 124	1 078 291 527
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia		5 673 407 600	3 116 915 239
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30	(79 470 103 866)	(623 176 224 372)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH			352 646 188 000
+ Thu tiền do phát hành cổ phiếu	31		352 646 188 000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8 396 185 413	
+ Nhận tiền đi vay dài hạn		8 396 185 413	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8 396 185 413)	
+ Chi tiền trả nợ gốc vay dài hạn		(8 396 185 413)	
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TU HD TÀI CHÍNH	40		352 646 188 000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (20+30+40)	50	11 029 965 210	(6 124 889 513)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TON ĐẦU KỲ	60	11 183 069 825	64 523 635 105
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4 918	(694 205)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TON CUỐI KỲ	70	22 213 039 953	58 398 051 387

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Phụng

Nguyễn Thị Nguyên

Nguyễn Quốc Anh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

I . Đặt điểm hoạt động doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh 17/05/2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.186.840.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.186.840.000.000 đồng; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, lữ hành ...

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, rắn, rùa);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các điểm kinh doanh sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Công viên Văn hóa Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khách sạn Phú Thọ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Khách sạn Ngọc Lan	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Trung tâm chăm sóc sức khỏe và giải trí Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
Nhà hàng Thủy Tạ Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống
Nhà hàng 79 - Đặc sản thiên nhiên Vàm Sát Cần Giờ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống
Trung tâm dịch vụ du lịch Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch

Thông tin về công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

II . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV . Các chính sách kế toán áp dụng

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Theo khoản 2, điều 6 của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 01 năm đến dưới 02 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 02 năm đến dưới 03 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	03 - 07	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06	năm
- Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	05	năm
- Phần mềm quản lý	03-05	năm

6 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 10 năm theo quy định của Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính.

7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

8 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về sử dụng dịch vụ phòng massage, vé trọn gói, doanh thu bảo vệ rừng

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi ngân hàng và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ trước và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do Các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	4.009.133.500	3.009.982.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.195.479.453	3.962.618.625
Tiền đang chuyển	8.427.000	10.469.200
Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000
	22.213.039.953	11.183.069.825

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ngắn hạn	467.760.000.000	779.060.993.605
- Dài hạn	430.670.000.000	
	898.430.000.000	779.060.993.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

b Chứng khoán kinh doanh	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom		42.347.095.125
	0	42.347.095.125
<i>Số lượng cổ phiếu</i>	30/06/2017	01/01/2017
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom		4.712.800
	0	4.712.800
c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2017	01/01/2017
- Đầu tư vào Công ty liên kết	253.277.125.000	253.277.125.000
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	253.277.125.000	253.277.125.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	21.165.892.683	21.165.892.683
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	17.002.690.096	17.002.690.096
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	4.163.202.587	4.163.202.587
	274.443.017.683	274.443.017.683

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	307.732.385	64.991.000
- Võ Trung Thiệp	240.000.000	240.000.000
- Công ty Cổ phần truyền thông và Dịch vụ truyền hình TVC	89.275.000	89.275.000
- Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	20.000.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	483.018.000	441.366.201
	1.140.025.385	835.632.201

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Khu mua sắm đệ nhất Phan Khang		-	399.781.364	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí OKULELE		-	225.218.599	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Tiên Phong		-	193.783.920	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Phú Việt		-	207.272.727	-
Công ty Cổ phần IPOS Việt Nam	1.014.480.000	-		-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Quỳnh Trâm	162.500.000			
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Quỳnh Trâm	107.600.000			
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và du lịch T.O.P Việt Nam tại Đà Nẵng	108.000.000			
Công ty cổ phần xây dựng dân dụng và công nghiệp Mạnh Hưng	834.926.976			
Các khoản trả trước cho người bán khác	472.215.013	-	535.268.981	-
	2.699.721.989	-	1.561.325.591	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

5 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ tức được chia			14.588.762.400	-
Phải thu về lãi tiền gửi	15.086.012.554	-	34.978.980.941	-
Phải thu về BHXH	272.350.800	-	259.536.800	-
Phải thu về BHYT	51.065.775	-	48.728.850	-
Phải thu về BHTN	34.043.850	-	32.442.100	-
Tạm ứng	371.582.000	-		
Phải thu thuế TNCN của nhân viên		-	147.793.107	-
Phải thu tiền điện, nước	61.512.000	-	233.180.910	-
Phải thu khác	270.183.567	-	263.000.000	-
	16.146.750.546	-	50.552.425.108	-

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ	990.000.000	-	1.490.000.000	
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-200.000.000	200.000.000	-200.000.000
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen(*)	10.960.656.948	-6.600.000.000	10.960.656.948	-6.600.000.000
	12.150.656.948	-6.800.000.000	12.650.656.948	-6.800.000.000

* Chi tiết các khoản phải thu liên quan đến Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen như sau

	30/06/2017	01/01/2017
- Cho vay	6.600.000.000	6.600.000.000
- Chi phí lãi vay	1.432.135.066	1.432.135.066
- Các khoản trả hộ cho Công ty Kexim và siêu thị	2.032.385.490	2.032.385.490
- Khoản phải thu liên quan đến nhập vật tư	240.000.000	240.000.000
- Thuế GTGT trả hộ	615.227.301	615.227.301
- Các khoản khác	40.909.091	40.909.091
	10.960.656.948	10.960.656.948

Các khoản phải thu này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

6 NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Ông Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	7.040.000.000	-	7.040.000.000	-

Các khoản nợ xấu đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và được công ty trích lập dự phòng 100%.

7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.387.993.498	2.919.215.119
Hàng hoá	1.327.337.187	1.364.658.975
	3.715.330.685	4.283.874.094

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	883.405.329	1.304.636.989
- Chi phí sửa chữa	98.012.500	67.292.000
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.312.456.091	215.421.154
	4.293.873.920	1.587.350.143
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	17.420.900.051	20.692.112.993
- Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	90.393.262.058	95.485.069.064
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	650.271.744	909.681.516
- Chi phí Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	6.995.003.594	6.995.003.594
- Chi phí trả trước dài hạn khác	619.242.427	832.121.707
	116.078.679.874	124.913.988.874

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014. Giá trị này đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	CỘNG
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	252.423.926.944	141.027.594.936	28.206.061.039	1.181.647.324	1.906.059.273	424.745.289.516
Số tăng trong kỳ	15.707.150.403	7.009.037.164	34.772.727	41.520.000		22.792.480.294
Mua sắm trong kỳ	7.362.700.000	5.117.626.740		41.520.000		12.521.846.740
Xây dựng mới	8.344.450.403	1.891.410.424	34.772.727			10.270.633.554
Số giảm trong kỳ						0
Số cuối kỳ	268.131.077.347	148.036.632.100	28.240.833.766	1.223.167.324	1.906.059.273	447.537.769.810
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	119.534.627.071	98.966.362.180	16.587.896.533	939.108.914	336.292.687	236.364.287.385
Khấu hao trong kỳ	13.223.543.547	9.980.857.684	1.758.988.943	55.423.197	148.295.100	25.167.108.471
Số cuối kỳ	132.758.170.618	108.947.219.864	18.346.885.476	994.532.111	484.587.787	261.531.395.856
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	132.889.299.873	42.061.232.756	11.618.164.506	242.538.410	1.569.766.586	188.381.002.131
Số cuối kỳ	135.372.906.729	39.089.412.236	9.893.948.290	228.635.213	1.421.471.486	186.006.373.954

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.714.752.086 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.853.761.790	27.524.748.727	29.378.510.517
- Khấu hao trong kỳ	41.443.350	-	41.443.350
Số dư cuối kỳ	1.895.205.140	27.524.748.727	29.419.953.867
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	152.125.698	-	152.125.698
Tại ngày cuối kỳ	110.682.348	-	110.682.348

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.313.976.215 VND

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục thuộc Công Viên Đàm Sen	7.781.615.970	8.606.142.282
- Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	625.115.879	424.958.826
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Phú Thọ	321.355.441	
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Ngọc Lan		458.865.902
	8.728.087.290	9.489.967.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thương mại Huỳnh Nguyễn Phùng	1.113.957.429	1.113.957.429	1.113.957.429	1.113.957.429
Anky International Limited Company			1.685.717.918	1.685.717.918
Công ty TNHH Sân khấu nghệ thuật Thái Dương	700.220.000	700.220.000		
DNTN Thương mại Dịch vụ Điện tử ánh Sáng Mới	521.605.600	521.605.600		
Công ty TNHH MTV âm thanh ánh sáng Lê Nguyễn	385.320.000	385.320.000		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO	439.509.571	439.509.571		
Các khoản phải trả người bán khác	7.003.592.367	7.003.592.367	9.145.452.758	9.145.452.758
	10.164.204.967	10.164.204.967	11.945.128.105	11.945.128.105

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	661.961.186	11.240.752.105	9.289.392.667	2.613.320.624
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	151.048.789	951.359.844	950.612.992	151.795.641
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.704.837.203	7.689.332.839	18.292.614.652	4.101.555.390
Thuế Thu nhập cá nhân	(854.399.664)	497.581.368	170.018.649	-526.836.945
Thuế Tài nguyên	809.920	5.377.920	5.232.000	955.840
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		30.822.752.292		30.822.752.292
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		1.554.100	1.554.100	
	14.664.257.434	51.208.710.468	28.709.425.060	37.163.542.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

14 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	206.537.900	193.781.000
- Phải trả tiền đặt cọc	1.402.686.200	1.426.543.500
- Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty	146.816.064.707	146.816.064.707
- Phải trả lợi nhuận phải trả cho bên hợp tác kinh doanh	862.770.995	265.244.356
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ^(*)	29.080.056.313	29.080.056.313
- Phải trả Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng TP. Hồ Chí Minh tiền phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	90.341.823	90.341.823
- Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.080.763.218	1.146.514.808
- Phải trả người lao động phí phục vụ	2.973.075.239	3.566.265.704
- Phải trả người lao động tiền khen thưởng, phúc lợi	5.685.247.873	13.461.440.668
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	766.042.455	1.515.520.402
	188.963.586.723	197.561.773.281

* Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
- Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
- Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	29.080.056.313	29.080.056.313

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	626.888.000	1.277.080.000
	626.888.000	1.277.080.000

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	615.040.615	507.877.869
	615.040.615	507.877.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.186.840.000.000	-	-	1.186.840.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.686.924.280	-	-	69.686.924.280
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.854.098.776	35.998.977.845	485.409.878	40.367.666.743
	1.261.381.023.056	35.998.977.845	485.409.878	1.296.894.591.023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - CTCP	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	29,06	344.894.250.000	28,98	343.892.770.000
Cổ đông khác	21,94	260.394.150.000	22,02	261.395.630.000
	100,00	1.186.840.000.000	100,00	1.186.840.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

17 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Doanh thu bán hàng	2.835.048.797
Doanh thu cung cấp dịch vụ	197.307.970.468
	200.143.019.265

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Giá vốn của hàng bán	1.486.617.173
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	168.125.981.505
	169.612.598.678

19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.522.841.758
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.673.407.600
Lãi cổ phiếu	1.482.761.775
Chiết khấu thanh toán, Chênh lệch tỷ giá	1.004.563
	35.680.015.696

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Lãi tiền vay	8.932.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.019
Chi phí tài chính khác	77.414.978
	86.359.455

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.805.428
Chi phí nhân công	568.434.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.995.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.396.246
Chi phí khác bằng tiền	7.118.541.553
	7.915.172.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.898.175
Chi phí nhân công	5.086.862.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.129.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.559.187
Chi phí khác bằng tiền	8.999.062.148
	14.743.512.074

23 THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Thu nhập khác	776.766.769
	776.766.769

24 CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Chi phí khác	553.847.906
	553.847.906

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.688.310.684
Các khoản điều chỉnh tăng	431.761.111
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.673.407.600)
Thu nhập tính thuế TNDN	38.446.664.195
Thuế suất	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	7.689.332.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND
Lợi nhuận sau thuế	35.998.977.845
Các khoản điều chỉnh	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.998.977.845
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	118.684.000
	303

27 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối liên hệ	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
		VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	
- Doanh thu cho thuê mặt bằng		117.128.000
- Cổ tức được chia		5.673.407.600

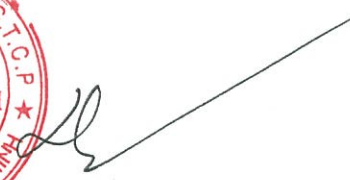
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối liên hệ	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
		VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	5.673.407.600
Phải trả khác		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - CTCP	Cổ đông lớn	146.816.064.707
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	499.136.000


Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nguyên
Kế Toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám Đốc
TP.HCM, ngày 10 tháng 7 năm 2017